TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/02/2025
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

2. Ông Liêu Văn Lộc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 344/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1993 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 14/08/2024 nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân**:** Bà và ông P kết hôn năm 2013. Hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 18/03/2020. Sau nhiều năm

chung sống với nhau, đến năm 2020 giữa cả hai phát sinh ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm, gia đình, thường xuyên cự cải và bà đã xin việc làm và đi làm ở tỉnh Tây Ninh từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể nào hàn gắn được, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc đã không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn P để trả lại cuộc sống tự do cho cả hai.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Văn C, sinh ngày 04/8/2014 và Dương Văn D, sinh ngày 02/4/2016. Sau ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông P nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn – Ông Dương Văn P: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông P; Về con chung: ông P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Dương Văn C, sinh ngày 04/8/2014 và Dương Văn D, sinh ngày 02/4/2016, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông P không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông P do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Dương Văn P có nơi cư trú tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn – Bà H vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận; Bị đơn là ông P đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà H và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà H và ông P xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà H nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tình cảm và gia đình. Sau đó bà H đi làm xa, bà và ông P sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Trong quá trình ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P.

Theo B xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P ngày 20/12/2024, ông Dương Văn S là cha ruột của ông P trình bày: Ông không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông P, nhưng xác định giữa bà H và ông P đã ly thân khoảng 04 năm nay, theo ông cả hai sẽ không có khả năng đoàn tụ. Ông P có biết việc bà H gửi Đơn ly hôn ở Tòa án nhưng do phải đi làm nên không đến Toà án để làm việc.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà H và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, bà H được ly hôn với ông P.

2.2 Về con chung: Giữa bà H và ông P có 02 con chung tên Dương Văn C, sinh ngày 04/8/2014 và Dương Văn D, sinh ngày 02/4/2016 đang sống với ông P. Sau khi ly hôn bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng, bên cạnh đó theo Tờ ghi ý kiến của con chung, cháu C và D có nguyện vọng được sống với cha là ông P sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc và không làm xáo trộn cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu C và cháu D cho ông P được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông P phải tạo điều kiện cho bà H trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông P không yêu cầu nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định không không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà H là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà H và ông P có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Dương Văn P.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Dương Văn C, sinh ngày 04/8/2014 và Dương Văn D, sinh ngày 02/4/2016 cho ông Dương Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông P phải tạo điều kiện cho bà H trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông P không yêu cầu nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004950 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Dương Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh